

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày 28 - 9 - 2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Lý

2. Ông Nguyễn Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Chu Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (*vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH D; địa chỉ: Tổ 1, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1987 – Là nhân viên công ty Luật TNHH Dân Việt; địa chỉ: Số 7/25 đường Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Theo Quyết định cử nhân viên đại diện theo ủy quyền cho ông Chu Văn L số 10/QĐ-DV ngày 06/6/2024 của giám đốc công ty Luật TNHH Dân Việt). (*Có mặt*)

- Bị đơn: Anh Thân Bá T, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn ông Chu Văn L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công T trình bày: Giữa ông Chu Văn L và anh Thân Bá T không có mối quan hệ họ hàng, chỉ là quen biết. Ngày 14/10/2018 (âm lịch) ông L cho anh T vay số tiền 100.000.000đồng. Khi vay giữa ông L và anh T có viết giấy biên nhận vay tiền, thỏa thuận về lãi suất là 1,5%/ tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Mục đích vay tiền để anh T làm ăn kinh doanh, mở hàng ăn. Ngày 22/4/2024, anh Tâm viết giấy hẹn trả tiền với nội dung “Tôi Thân Bá T có vay của ông Chu Văn L số tiền 100.000.000đồng, hẹn ông trong vòng 02 tháng trả hết, ngày 22/5/2024 trả 50.000.000đồng, ngày 22/6/2024 trả 50.000.000đồng”. Tuy nhiên, anh T không trả tiền như cam kết. Kể từ khi vay tiền đến nay, anh T chưa trả ông L khoản tiền gốc nào, đã trả tiền lãi từ ngày vay đến ngày 14/4/2023 (dương lịch).

Tại đơn khởi kiện ông L khởi kiện yêu cầu anh T phải trả tiền gốc còn nợ là 100.000.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/5/2024 là 13 tháng là 29.250.000đồng. Số tiền ông cho anh T vay là tiền của ông cho cá nhân anh T vay, không liên quan đến vợ con anh T cũng như bất cứ ai khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông L là ông Nguyễn Công T trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là yêu cầu anh Thân Bá T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000đồng. Về số tiền lãi nếu tính theo lãi suất thỏa thuận 1,5%/ tháng từ ngày 15/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2024) là 25.860.000đồng, tuy nhiên ông thay đổi một phần nội dung khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu anh T trả tiền lãi là 21.000.000đồng như ý kiến của anh T trong biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2024. Như vậy tổng số tiền gốc lãi mà anh T có nghĩa vụ thanh toán cho ông L là 100.000.000 đồng + 21.000.000 đồng = 121.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2024, bị đơn anh Thân Bá T trình bày: Ngày 14/10/2018 (âm lịch) anh có vay của ông Chu Văn L số tiền 100.000.000đồng. Khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền, có thỏa thuận về lãi suất 1,5%/ tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Mục đích vay tiền để anh làm ăn kinh

doanh. Ngày 22/4/2024, anh có viết giấy hẹn trả tiền với nội dung hẹn đến ngày 22/5/2024 trả 50.000.000đồng, ngày 22/6/2024 trả 50.000.000đồng. Tuy nhiên do kinh tế gặp khó khăn, anh bị vỡ nợ nên chưa trả tiền cho ông L như đã hẹn. Từ khi vay tiền đến nay, anh chưa trả tiền gốc cho ông L, anh đã trả nhiều lần tiền lãi đến năm 2022 thì không có khả năng trả nữa, tổng số tiền lãi đã trả khoảng 70.000.000đồng nhưng không có tài liệu gì chứng minh về số tiền này.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền gốc và lãi là 129.250.000đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 29.250.000đồng, anh đồng ý trả ông L 100.000.000đ tiền gốc và 21.000.000đồng tiền lãi, không đồng ý trả 29.250.000đ tiền lãi như ông L yêu cầu. Anh xác định toàn bộ số tiền anh vay của ông L không liên quan gì đến vợ con anh.

Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì bị đơn anh Thân Bá T đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 30/8/2024, Tòa án mở phiên tòa, bị đơn anh Thân Bá T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Thân Bá T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật:**

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành nhưng không đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 117, Điều 463, Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử;

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn L, buộc anh Thân Bá T

phải có nghĩa vụ trả cho ông Chu Văn L tổng số tiền là 121.000.000đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/9/2024 là 21.000.000đồng.

+ Về án phí: Bị đơn là anh Thân Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng vay tài sản. Nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[1.2] Về quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Thân Văn T có địa chỉ tại thôn T, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án đến khi mở phiên tòa, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Căn cứ theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng về thời hiệu đối với vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc anh T phải trả số tiền gốc đã vay là 100.000.000đồng thì thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về việc ngày 14/10/2018 (âm lịch), hai bên xác lập hợp đồng vay tài sản, số tiền vay là 100.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Ngày 22/4/2024, anh T viết giấy với nội dung “Tôi

Thân Bá T có vay của ông Chu Văn L số tiền 100.000.000đồng, hẹn ông L ngày 22/5/2024 trả 50.000.000đ và ngày 22/6/2024 trả 50.000.000đ, nếu tôi không thực hiện đúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Lời khai của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với chứng cứ là Giấy biên nhận vay tiền và giấy hẹn trả nợ mà nguyên đơn cung cấp. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Về hình thức, nội dung của hợp đồng vay tài sản hoàn toàn phù hợp với Điều 433 Bộ luật dân sự. Khi ký hợp đồng các bên đều có đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Các bên hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng vay tài sản ngày 14/10/2018 (âm lịch) được ký kết giữa ông Chu Văn L và anh Thân Bá T thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Hội đồng xét xử xác định bị đơn anh Thân Bá T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, ảnh hưởng quyền lợi của ông L nên việc ông L khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền cho ông là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Anh T xác định khoản tiền nợ ông L là nợ riêng của anh, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông L chỉ yêu cầu anh T trả nợ mà không yêu cầu vợ của anh T cùng trả nợ nên không cần buộc vợ anh T phải liên đới cùng trả nợ. Nay ông L yêu cầu anh Tâm phải trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000đồng, trong biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2024, anh T đồng ý trả ông L số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Thân Bá T phải có nghĩa vụ trả ông Chu Văn L số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Theo đơn yêu cầu khởi kiện, ông L yêu cầu anh Thân Bá T phải trả tiền lãi tạm tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/5/2024 là 13 tháng: $100.000.000đ \times 1,5\% \times 13\text{tháng} = 29.250.000đ$. Tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, yêu cầu anh T trả số tiền 21.000.000 đồng.

Xét yêu cầu thay đổi về số tiền lãi của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Theo

Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2018 (âm lịch) các bên thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng, lãi suất là 1,5%/ tháng. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa ông L và anh T là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Do trong hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả lãi mà chỉ thỏa thuận thời hạn trả nợ là sau 06 tháng nên thời hạn trả gốc cũng là thời hạn trả lãi. Đến hạn anh T không trả nợ, do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vì vậy anh T phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thanh toán nợ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thừa nhận vẫn thực hiện việc trả lãi từ ngày vay đến năm 2022, trả được số tiền 70.000.000đồng. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2024, anh T đồng ý trả ông L số tiền lãi là 21.000.000đ, chỉ không đồng ý trả 29.250.000đồng như đơn khởi kiện yêu cầu. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 28/9/2024 là 21.000.000đ nên cần ghi nhận sự tự nguyện này. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận buộc anh T phải trả ông L tiền lãi 21.000.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Chu Văn L được chấp nhận nên anh Thân Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là: 121.000.000đồng x 5% = 6.050.000đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 95; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn L, buộc anh Thân Bá T phải phải trả cho ông Chu Văn L tổng số tiền là 121.000.000đồng (*Một trăm hai mươi một triệu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (*Một trăm triệu*

đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 21.000.000đồng (Hai mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Thân Bá T phải chịu 6.050.000đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thủy